

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NGHỆ AN

ThS. Phan Thế Quyết

Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Bộ NN&PTNT

Tóm tắt:

Công nghệ cơ điện nông nghiệp có vai trò rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta hiện nay. Ngoài việc góp phần giải phóng sức lao động nặng nhọc cho bà con nông dân, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Thực trạng công nghệ cơ điện nông nghiệp đang được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện nay được xác định là vừa thiếu và yếu so với yêu cầu của thực tiễn. Một trong những nguyên nhân của hiện trạng này là do hệ thống chính sách liên quan đến lĩnh vực cơ điện nông nghiệp còn nhiều bất cập. Sau khi phân tích ưu, nhược điểm của hệ thống chính sách phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp, tác giả xin đề xuất một số giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng các công nghệ, thiết bị cơ điện vào sản xuất.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong những nước có sản lượng xuất khẩu một số mặt hàng nông sản đứng đầu thế giới như gạo, hạt điều, cà phê... trong những năm gần đây, tốc độ phát triển nông nghiệp của Việt Nam chỉ đạt khoảng 5,36% giai đoạn 2001-2010, kim ngạch xuất khẩu tăng từ 4,3 tỷ USD năm 2000 lên 19,5 tỷ USD năm 2010¹. Hàng nông sản của Việt Nam mặc dù chiếm số lượng lớn nhưng giá bán trên thị trường quốc tế chưa cao, mang lại lượng kim ngạch chưa cao.

Là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) Việt Nam và các quốc gia đang phát triển khác đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Sản phẩm nông sản nước ta vốn có hàm lượng khoa học thấp đã không đủ sức cạnh tranh ngay cả trên thị trường trong nước. Vấn đề đó buộc các địa phương phải có những giải pháp chính sách để phát triển công nghệ phù hợp khắc phục khó khăn, thách thức nảy sinh trong tiến trình hội nhập.

Nghệ An là một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, có tỷ trọng nông nghiệp trong GDP lớn. Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn thông qua việc

¹ Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Hội nghị tham vấn Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững” ngày 06/4/2012 tại Hà Nội.

phát triển các công nghệ phù hợp (trong đó công nghệ cơ điện nông nghiệp chiếm vị trí quan trọng) nổi lên như một nhu cầu cấp bách trong hiện tại và tương lai gần. Điều đó đã được khẳng định trong chủ trương của Đảng bộ Tỉnh: “Đẩy mạnh điện khí hóa, cơ giới hóa, phát triển giao thông nông thôn. Đẩy mạnh và khuyến khích sử dụng các biện pháp thâm canh mới, ứng dụng các công nghệ mới trong các khâu trước, trong và sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất, giải phóng sức lao động cho bà con nông dân, tạo ra nhiều sản phẩm có khả năng đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh cơ khí phục vụ nông - lâm - thủy sản, chế biến và bảo quản, sản xuất các máy móc thiết bị và công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp...”². Thực tế cho thấy, với điều kiện kinh tế của bà con nông dân còn nhiều khó khăn, dân trí còn hạn chế, các điều kiện kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật nông thôn chưa phát triển nên việc phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp rất khó khăn. Nhận thức được vấn đề đó các địa phương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ bà con nông dân, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, thiết bị cơ điện vào sản xuất. Tuy nhiên, vấn đề bất cập là ở chỗ tuy đã có nhiều chính sách được ban hành song chưa phát huy được tác dụng, hiệu quả chưa cao. Kết quả là địa phương không thực hiện được mục tiêu của mình, người dân không có công nghệ phù hợp, bên cung cấp công nghệ cũng không tìm được vị trí xứng đáng với tiềm năng và trách nhiệm của mình. Để giải quyết vấn đề này cần phải có chính sách phù hợp với thực tiễn của địa phương và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Hiện trạng công nghệ cơ điện nông nghiệp tại tỉnh Nghệ An

Bằng việc kết hợp nghiên cứu các tài liệu có liên quan, khảo sát thực tế tại 20 xã thuộc các huyện: Yên Thành, Đô Lương, Diễn Châu, Quỳnh Lưu. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở KH&CN, Sở Tài chính Nghệ An. Phỏng vấn và lấy ý kiến người sử dụng công nghệ, các nhà quản lý, các cơ quan chuyên giao công nghệ bằng 150 phiếu hỏi được thực hiện tháng 10/2010, kết quả tổng hợp ở Bảng sau:

Bảng 1: Mức độ đáp ứng của công nghệ cơ điện nông nghiệp đến sản xuất nông nghiệp của Nghệ An

Đơn vị tính: %

TT	Tiêu chí	Số phiếu lựa chọn
1	Đã đáp ứng đủ nhu cầu	0
2	Đáp ứng được một phần nhu cầu	38
3	Chưa đáp ứng được yêu cầu (mức độ thấp)	62

² Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Nghệ An lần thứ XVI nhiệm kỳ 2006 ÷ 2010

Chúng ta có thể khẳng định vai trò của cơ điện nông nghiệp đối với sản xuất nông nghiệp là rất quan trọng. Thực tiễn sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã chỉ ra:

- Các công nghệ cơ điện nông nghiệp quyết định đến kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Nghệ An. Nó có mối quan hệ với các yếu tố chính của sản xuất nông nghiệp, góp phần làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển;
- Các công nghệ, thiết bị cơ điện nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn sản xuất:
 - + Số lượng công nghệ và thiết bị hiện có trong sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu của sản xuất về mặt số lượng và chủng loại;
 - + Các công nghệ và thiết bị chưa giải quyết được những vấn đề kỹ thuật mà sản xuất đặt ra.

Qua nghiên cứu tài liệu, phân tích thực trạng công nghệ cơ điện nông nghiệp được phổ biến áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở Nghệ An thời gian qua, có một số nhận xét đánh giá chung như sau:

a. Lãnh đạo UBND các cấp, các Sở ban ngành trong Tỉnh đã nhận thức được tầm quan trọng của cơ giới hóa nông nghiệp nói chung và công nghệ cơ điện nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

b. Phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp đã trở thành nhu cầu thực sự của các thành phần kinh tế ở nông thôn. Tuy thu nhập còn thấp, sức mua hạn chế, với chính sách hỗ trợ của Tỉnh, do đó cơ giới hóa nông nghiệp ở Nghệ An đang phát triển nhanh ở một số khâu, góp phần đổi mới lực lượng sản xuất, sử dụng có hiệu quả lao động, khai thác tiềm năng đất đai ở các vùng trong Tỉnh.

c. Công nghiệp cơ khí chế tạo máy phục vụ nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế, chậm phát triển, nguyên nhân chính là bị hàng ngoại cạnh tranh.

d. Về cơ chế chính sách phát triển cơ giới hóa nông nghiệp. Đã hình thành cơ chế chính sách phát triển cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ, và là Tỉnh đi đầu trong cả nước hỗ trợ cho ngành cơ giới hóa nông nghiệp với chính sách hình thành, thực thi, đã góp phần tăng tỷ lệ đầu tư và sử dụng máy móc, thiết bị và công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn.

Hiện trạng công nghệ cơ điện nông nghiệp thiếu và yếu do các nguyên nhân:

- Năng lực chế tạo cơ khí phục vụ sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy sản thực hiện cơ giới hóa trước, trong và sau thu hoạch chưa đáp ứng nhu cầu thị trường, máy nhập qua đường biên giới tràn lan, gây khó khăn cho hàng sản xuất trong nước;

- Phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa trước, trong và sau thu hoạch chưa cân đối giữa các khâu sản xuất;
- Thu nhập bình quân đầu người cao hơn nhiều (so với trước đây), nhưng không đều giữa các vùng. Khả năng tích lũy để mua sắm máy móc, trang bị các dây chuyền chế biến đồng bộ của các thành phần kinh tế còn hạn chế;
- Công tác quy hoạch đồng ruộng còn nhiều bất cập, việc dồn điền đổi thửa còn nhiều vướng mắc. Do vậy, cản trở sự phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp phục vụ sản xuất;
- Nhận thức của lãnh đạo chính quyền, các sở ban ngành ở địa phương về cơ điện nông nghiệp còn nhiều hạn chế, nhận thức và trình độ dân trí ở khu vực nông thôn chưa cao dẫn đến khả năng tiếp nhận công nghệ gặp khó khăn;
- Hệ thống các chính sách hiện hành về phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp chưa tác động đến các yếu tố thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đây được xác định là nguyên nhân chính;
- Chất lượng thiết bị chưa cao, hạ giá thành sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp và nông thôn cao, khó tiếp cận được bà con nông dân. Chưa có giải pháp đồng bộ từ định hướng phát triển, nghiên cứu - triển khai, quy hoạch, chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đầu tư trang bị, sử dụng, đào tạo và đào tạo lại kiến thức quản lý cũng như kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị.

3. Phân tích chính sách và một số giải pháp phát triển công nghệ cơ điện trong nông nghiệp tại tỉnh Nghệ An

Hệ thống các chính sách phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp hiện hành tại Nghệ An:

- Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN;
- Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 Về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản;
- Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn;
- Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 của Thủ

tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn;

- Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 12/12/1998 của UBND Tỉnh về chính sách hỗ trợ trang bị máy cày đa chức năng loại nhỏ trong sản xuất nông nghiệp;
- Quyết định số 07/2006/QĐ-UBND ngày 18/01/2006 của UBND Tỉnh về Ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn Nghệ An, giai đoạn 2006-2007;
- Quyết định số 3124/2007/QĐ-UBND ngày 13/9/2007 của UBND Tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ nông dân trang bị 100 máy hái chè với mức 4 triệu đồng/1 máy hái chè (tương đương 30% giá trị máy);

Tiến hành phỏng vấn (bằng phiếu hỏi) các chuyên gia trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp tại các cơ quan nghiên cứu (bên giao công nghệ), các cơ quan trung gian chuyển giao công nghệ, các cơ quan quản lý ở địa phương: Cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở KH&CN, Sở Tài Chính, Phòng Nông nghiệp các Huyện (cơ quan trung gian), lãnh đạo một số xã, bà con nông dân tại các địa phương. Kết quả tổng hợp cho thấy 82% số người được hỏi khẳng định chính sách chưa thúc đẩy được sản xuất theo hướng hàng hóa; 66% khẳng định các chính sách hiện nay chưa hỗ trợ được nông dân về vốn để trang bị máy móc, thiết bị; 58% cho rằng các chính sách chưa có tác động nhằm nâng cao kiến thức của bà con nông dân trong việc ứng dụng các công nghệ và thiết bị cơ điện nông nghiệp; 78% cho rằng hệ thống chính sách chưa bám sát yêu cầu thực tế sản xuất ở địa phương. Từ kết quả phỏng vấn có thể khẳng định rằng các đối tượng được phỏng vấn đều nhận thức được vai trò của các chính sách trong cuộc sống hàng ngày, vai trò và tác động của chính sách đối với thực trạng công nghệ và thiết bị cơ điện nông nghiệp hiện nay, chính sách được coi là tác nhân chính có vai trò quyết định đến hoạt động chuyển giao công nghệ. Từ các bằng chứng đó có thể khẳng định chính sách là nguyên nhân chính và sâu xa nhất của hiện trạng sản xuất nông nghiệp, của hiện trạng công nghệ cơ điện nông nghiệp:

- Hệ thống chính sách hiện hành chưa tác động lớn tư duy sản xuất, chưa thay đổi diện mạo sản xuất nông nghiệp một cách mạnh mẽ;
- Nhu cầu đầu tư của bà con nông dân là hết sức đa dạng và phong phú. Các chính sách hiện hành về phát triển công nghệ cơ điện đã bước đầu hỗ trợ bà con nông dân vay vốn để mua thiết bị, công nghệ cơ điện nông nghiệp. Tuy nhiên, sự hỗ trợ này vẫn còn những vấn đề phải điều chỉnh như thời gian vay, chủng loại máy móc thiết bị được vay, thủ tục vay vốn, thời gian phải hoàn trả vốn...;

- Hệ thống chính sách hiện hành chưa có hoặc rất ít đề cập đến vấn đề đào tạo và tập huấn, một trong những vấn đề then chốt của phát triển công nghệ. Hầu như người nông dân nhận thức được vấn đề đầu tư trang thiết bị, máy móc là do tự phát, họ nhận thức được trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- Mặt khác, hệ thống chính sách phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp ở Nghệ An còn yếu và thiếu đồng bộ.

3.1. Những điểm mạnh

Chính sách này đã giải quyết được các vấn đề lớn của sản xuất:

- Việc ban hành các chính sách cho thấy lãnh đạo chính quyền địa phương đã nhận thức đúng vai trò của công nghệ cơ điện nông nghiệp đối với sản xuất nông nghiệp, sự quan tâm tạo điều kiện cho việc ứng dụng công nghệ cơ điện nông nghiệp trên địa bàn Nghệ An;
- Vốn đầu tư máy móc thiết bị cho sản xuất: Đối với nông nghiệp, nông thôn, bà con nông dân có thu nhập rất thấp, khả năng đầu tư trang bị máy móc thiết bị, công nghệ, vật tư nông nghiệp để sản xuất là rất hạn hẹp. Các chính sách đã phân nào giải tỏa được những khó khăn đó;
- Giải quyết được vấn đề lớn của cơ điện nông nghiệp: Bằng các nguồn vốn vay, bằng hệ thống chuyển giao công nghệ, các công nghệ và thiết bị được trang bị từng bước đã nâng cao năng lực trong các khâu sản xuất, từng bước hiện đại hóa nền sản xuất nông nghiệp;
- Khi các chính sách về tài chính ra đời, nó đã giải quyết được một phần nhu cầu về vốn để đầu tư cho các công nghệ và thiết bị do các điều kiện xã hội tạo ra;
- Sức ép của thị trường lên chất lượng nông sản ngày càng cao, xu hướng cánh kéo ngày càng được thể hiện rất rõ. Để giải quyết vấn đề này, ngoài thị trường công nghệ tốt, nhận thức của người dân cần được nâng cao, các chính sách tài chính cũng đã góp phần tháo gỡ vấn đề vốn của sản xuất nông nghiệp;
- Nhờ có nguồn vốn vay từ việc thực hiện các chính sách hỗ trợ bà con nông dân vay vốn để mua máy móc, thiết bị, vật tư nông nghiệp, sức lao động nặng nhọc của người nông dân được giải phóng, chuyển dịch lao động sang lĩnh vực khác;
- Góp phần nâng cao thu nhập cho bà con nông dân, nâng cao mức sống, thông qua đó điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương cũng được nâng lên, tạo tiền đề cho phát triển các ngành khác, các lĩnh vực khác;

- Đầu ra của công nghệ và thiết bị được giải quyết thông qua tác động của hệ thống chính sách, kích thích ứng dụng công nghệ vào thực tế sản xuất;
- Cuối cùng, sự phát triển của công nghệ cơ điện nông nghiệp bằng sự lan tỏa chính sách đã tạo ra sự phân biệt đối xử, đối tượng hưởng lợi trực tiếp là bà con nông dân. Các đối tượng khác như các cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp kinh doanh máy móc, thiết bị nông nghiệp cũng được kích lệ phát triển, các ngân hàng được thực hiện các chủ trương, tạo được chỗ đứng trên địa bàn.

3.2. Những điểm yếu

- Các công cụ của chính sách chưa tác động đúng các loại đối tượng, chưa có sự phân biệt giữa đồng bằng và miền núi, mức độ dân trí, điều kiện kinh tế - xã hội.
- Thực tế cho thấy danh mục máy móc, thiết bị, vật tư chưa đáp ứng đầy đủ về chủng loại so với nhu cầu, chưa xóa được hiện tượng “trắng” về công nghệ.
- Chính sách quy định máy móc thiết bị được hỗ trợ phải là hàng hóa sản xuất trong nước đã hạn chế bà con nông dân mạnh dạn đầu tư.
- Các thủ tục vay vốn, tiếp cận chính sách còn khô cứng, máy móc, cản trở không nhỏ hoạt động mua bán máy móc, thiết bị và công nghệ cơ điện nông nghiệp đáp ứng yêu cầu của các gia đình, bà con nông dân phục vụ sản xuất.
- Điểm yếu của các chính sách hiện hành còn thể hiện ở chỗ nó chưa có hoặc có nhưng rất ít chính sách tập trung tác động vào các yếu tố cản trở quá trình phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp, các yếu tố này có mối quan hệ hữu cơ với công nghệ cơ điện nông nghiệp.
- Một yếu điểm cố hữu của hệ thống các chính sách hiện hành đó là thời hạn hiệu lực của chính sách, hầu hết các chính sách đã ban hành là chính sách trung hạn và ngắn hạn, ít chính sách dài hạn.
- Sự tương tác giữa các chính sách cũng còn nhiều hạn chế, các chính sách chưa hỗ trợ được cho nhau để cùng phát huy hiệu quả khi áp dụng vào thực tế sản xuất.
- Chính sách hiện hành chưa tác động đến ý thức của lãnh đạo, chính quyền địa phương về vai trò, sự cần thiết phải phát triển công nghệ cơ điện trong sản xuất.

4. Đề xuất một số giải pháp chính sách phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp tại tỉnh Nghệ An

4.1 Giải pháp chính sách chung

- Đảng và Nhà nước, Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành nhiều chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 26 - NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Ban hành các chính sách, giải pháp thúc đẩy “Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới”.
- Ban hành các chính sách khuyến khích ứng dụng các thành tựu KH&CN trong nông nghiệp nói chung, trong lĩnh vực giống, trồng trọt và bảo quản, chế biến nông sản nói riêng vào thực tiễn sản xuất.
- Ban hành nhiều cơ chế chính sách, giải pháp nâng cao năng lực chế tạo cơ khí trong nước, năng lực điều khiển và tự động hóa cho doanh nghiệp chế tạo, các đơn vị nghiên cứu và chuyển giao máy móc, thiết bị cơ khí.
- Tiếp tục thực hiện quá trình “đồn điền, đổi thửa”, xây dựng hệ thống giao thông nội đồng tạo điều kiện cho việc ứng dụng công nghệ và thiết bị trong sản xuất nông nghiệp.
- Có chính sách về bình ổn giá nông sản, phát triển thị trường nông sản một cách bền vững, ổn định tạo điều kiện cho bà con nông dân yên tâm sản xuất, đầu tư trang thiết bị và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

4.2. Giải pháp chính sách phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp

4.2.1. Chính sách tài chính

a. Chính sách thuế đối với doanh nghiệp

- Ban hành biểu thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi hơn nữa để các doanh nghiệp tham gia hoạt động khoa học, đổi mới công nghệ trên cơ sở kế thừa những thành tựu của Nghị định 119/1999/NĐ- CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ (có thể miễn thuế cho các đơn vị tham gia hoạt động trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp trên địa bàn miền núi, hải đảo, có nhiều khó khăn).
- Ban hành danh mục các máy móc cơ điện nông nghiệp cần nhập khẩu, mức thuế nhập khẩu của nhóm mặt hàng nên giảm < 5% (Hiện nay các mặt hàng này đang chịu mức thuế 5%).

b. Tài chính hỗ trợ bà con nông dân trang bị máy móc, thiết bị và công nghệ

- Sự hỗ trợ về tài chính để trang bị máy móc, thiết bị và công nghệ là một hoạt động thường xuyên, chính sách này là một chính sách dài hạn.
- Đối tượng được hỗ trợ cần được mở rộng hơn không dừng lại ở bà con nông dân, các trang trại mà nên mở rộng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí nông nghiệp. Các chính sách phải phân loại

các đối tượng hưởng lợi, tùy thuộc vào thu nhập, điều kiện kinh tế - xã hội mà mỗi vùng miền phải có chính sách khác nhau, ưu tiên hỗ trợ cho đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Các thủ tục vay vốn phải gọn nhẹ, tránh phiền nhiễu cho dân, người vay vốn không cần phải thế chấp tài sản mà chỉ cần xác nhận và bảo lãnh của chính quyền địa phương.
- Thời hạn vay vốn của các chính sách cần phải đủ dài để bà con nông dân có thể hoàn vốn (tối thiểu 3 năm), vì đặc điểm của ngành nông nghiệp là ngành có lãi suất thấp, sản xuất mang tính mùa vụ.

c. Tài chính cho các cơ quan nghiên cứu - triển khai

- Nguồn tài chính dành cho nghiên cứu, triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ phải phù hợp với nội dung của đề tài, dự án đó.
- Sản phẩm do đề tài, dự án tạo ra là căn cứ tài chính của đề tài, dự án. Chứng từ thanh toán chính là kết quả nghiệm thu sản phẩm của đề tài, dự án có đạt yêu cầu của đề tài được phê duyệt. Các quy định về thu, chi tài chính phải thông thoáng hơn, khắc phục hiện tượng máy móc, phi thực tế hoạt động KH&CN.
- Đánh thuế hợp lý các vật tư, máy móc thiết bị phục vụ nghiên cứu, không đánh thuế các máy móc thiết bị là sản phẩm của hoạt động KH&CN khi nó được thương mại hóa.
- Không đánh thuế thu nhập cá nhân do các cá nhân thu được từ các hoạt động KH&CN trong nông nghiệp.
- Cần có chính sách hỗ trợ cho các dự án sản xuất thử nghiệm, không bắt buộc phải thu hồi đối với cơ khí nông nghiệp.
- Phải có chính sách hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo, nhằm tăng năng lực chế tạo trong nước, hạ giá thành sản phẩm.

d. Tài chính cho các cơ quan quản lý nhà nước, trung gian

Khuyến khích được các cơ quan, cá nhân trong tổ chức tham gia tích cực và có hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ.

Giải pháp: Các cơ quan quản lý nhà nước, trung gian chuyển giao công nghệ cơ điện nông nghiệp cũng cần có các chính sách hỗ trợ về tài chính. Các chính sách đó cần có các nội dung:

- Cung cấp đủ nguồn tài chính để các cơ quan Nhà nước điều tra khảo sát, xây dựng các chính sách phát triển công nghệ cơ điện nông nghiệp và các công nghệ mới vào sản xuất. Có nguồn tài chính để họ xây dựng các

chương trình mục tiêu, hệ thống các tiêu chuẩn để đánh giá công nghệ cơ điện nông nghiệp;

- Có nguồn tài chính để các cơ quan trung gian lập các dự án chuyển giao các công nghệ cơ điện nông nghiệp, xây dựng các mô hình sản xuất, các mô hình ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất trước khi nhân rộng quy mô;
- Khi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, các dự án phát triển công nghệ vào sản xuất không nên áp đặt quy chế phải thu hồi một tỷ lệ nào đó, gây cản trở cho việc triển khai;
- Có chính sách đãi ngộ về tài chính cho các cán bộ chuyên trách về công nghệ trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông lâm sản.
- Khuyến khích được các cá nhân trong tổ chức tham gia tích cực hoạt động chuyển giao công nghệ bằng các thu nhập ngoài lương, từ hoạt động chuyển giao công nghệ mang lại.

4.2.2. Chính sách tăng cường công tác quản lý nhà nước

a. Hoàn thiện chức năng, đào tạo nguồn nhân lực các bên tham gia hoạt động KH&CN cơ điện nông nghiệp

- Tạo dựng và mở rộng hành lang pháp lý cho mọi hoạt động KH&CN cơ điện nông nghiệp.
- Đầu tư có mục đích về tài chính, về nội dung trong KH&CN.
- Tăng cường hợp tác quốc tế về KH&CN cơ điện.
- Từng bước xây dựng và ban hành luật “Cơ giới hóa nông nghiệp” theo kinh nghiệm của một số nước, trong đó cơ điện nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.

b. Tăng cường chức năng, nhiệm vụ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các cơ quan hoạt động chuyển giao công nghệ cơ điện nông nghiệp

- Quy định chức năng nhiệm vụ của các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp phải có chức năng chuyển giao công nghệ cơ điện nông nghiệp. Đặc biệt đối với cơ quan nghiên cứu như Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch thì đây phải là một trong các chức năng, nhiệm vụ chính.
- Cơ cấu tổ chức của cơ quan nghiên cứu như Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch phải có cơ cấu tổ chức tương đối đồng bộ, có sự bố trí phân công hợp lý giữa các khâu nghiên cứu - chế tạo - chuyển giao. Mặt khác, cần bố trí các trung tâm nghiên cứu - chuyển

giao công nghệ ở các vùng miền: miền núi phía Bắc, miền Trung, miền Nam.

c. Chính sách nhân lực trong cơ quan hoạt động chuyển giao công nghệ cơ điện nông nghiệp

- Phải là nơi tập trung nguồn nhân lực KH&CN chuyên ngành cơ điện nông nghiệp.
- Việc bổ sung và tăng cường năng lực cho cán bộ khoa học là một hoạt động thường xuyên của đơn vị thông qua đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.
- Có chính sách, chủ trương về đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề.
- Ban hành các chính sách năng động trong việc tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực hoạt động chuyển giao công nghệ cơ điện nông nghiệp.

4.2.3. Chính sách về hoạt động nghiên cứu khoa học

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nghiên cứu thực hiện các đề tài dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ triển khai các nội dung nghiên cứu trên địa bàn Tỉnh.
- Có cơ chế phối hợp tốt với Bộ KH&CN để hình thành, triển khai các dự án KH&CN ở các khâu trước, trong và sau thu hoạch.
- Có cơ chế phối hợp có hiệu quả với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc đề xuất, phê duyệt các nhiệm vụ khoa học trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp, tập trung giải quyết những vấn đề kỹ thuật đang bức xúc của bà con nông dân trên địa bàn Tỉnh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 497/QĐ- TTg ngày 17/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn
2. Quyết định 2213/QĐ-TTg, ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.
3. Nghị quyết số 26 - NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 05/8/2008.
4. Quyết định số 5005-QĐUB/NN ngày 10/12/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An.

5. UBND tỉnh Nghệ An. *Quyết định số 1256/QĐ-UBND-NN ngày 26/3/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cơ khí hóa nông nghiệp phục vụ sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy sản Nghệ An giai đoạn 2009 - 2020*, 2010.
6. Bộ Nông nghiệp và PTNT. *Đề án "Phát triển cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch đến năm 2015"*.
7. Trung tâm Thông tin tư liệu Quốc gia. (2002) *Khoa học và công nghệ thế giới, Kinh nghiệm và định hướng chiến lược*.
8. Chương trình KC07. (2006) *Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*. Kỷ yếu Hội nghị khoa học tổng kết 5 năm chương trình KC07.
9. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn. *Báo cáo chiến lược nghiên cứu khoa học công nghệ nông nghiệp và nông thôn 2006 - 2020*.
10. Phan Thanh Tịnh. (2005) *Cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch sau 20 năm đổi mới*. Hội nghị khoa học ngành cơ điện và công nghệ sau thu hoạch. Bộ Nông nghiệp và PTNT.
11. Trần Ngọc Ca. (2008) *Quản lý công nghệ*. Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
12. Vũ Cao Đàm. (2008) *Khoa học chính sách/Giáo trình*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Vũ Cao Đàm. (2008) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: NXB Khoa học kỹ thuật.
14. Phạm Văn Lang. (2008) *Cơ điện nông nghiệp trong thời kỳ hội nhập. Thuận lợi và thách thức*. Kỷ yếu Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch.
15. Phạm Văn Lang. *Quy hoạch phát triển cơ khí hóa nông nghiệp phục vụ sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy sản Nghệ An giai đoạn 2009 - 2020*.
16. Đức Phường. (2008) *Nông nghiệp Thái Lan - Lờ giải từ công nghệ và đổi mới chính sách*. www.tiasang.com.vn
17. Đặng Kim Sơn. (2008) *Nông nghiệp Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
18. Đào Thế Tuấn. (2009) *Thách thức đối với nông dân hiện nay*. Tạp chí Xưa và nay, số 335, tháng 7/2009.